

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/DS-ST
Ngày: 22/4/2024
“V/v tranh chấp về Hợp đồng
vay có cầm cố tài sản, mượn tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải
Ông Nguyễn Phú Hữu

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 22/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2024/TLST-DS ngày 05/02/2024, về việc “Tranh chấp về Hợp đồng vay có cầm cố tài sản và mượn tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-DS ngày 14/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2024/QĐST-DS ngày 02/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S.

Trụ sở chính: phường B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông K - Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thanh L, chức vụ: Quản lý phân khu.

Địa chỉ liên hệ: Số 9, TH, Tổ B, Khóm 2, Phường 4, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Hồ Ngọc T, sinh năm 1988;

Địa chỉ thường trú: Tổ 3, ấp H, xã H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ hiện tại: Tổ 49, khóm Mỹ Thuận, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của Nguyên đơn Công ty Cổ phần S, ủy quyền cho bà Trần Thanh L trình bày:

Ngày 10/6/2021, bà Hồ Ngọc T có cầm cố tài sản với Công ty TNHH S VN - Chi nhánh Cao Lãnh 1 (sau đây gọi tắt là "Công ty") theo Hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe ký ngày 10/6/2021; Tài sản cầm cố như sau: 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu: PIAGGIO, Loại: VESPA SPRINT, Biển số xe: 66P2-293.19, Số khung: RP8M82221LV048232 Số máy: M828M5102398. Giấy chứng nhận đăng ký số: 003683 do Công an tỉnh Đồng Tháp, cấp ngày 16/3/2021.

Hợp đồng cầm cố như sau:

Số tiền cầm cố: 36.600.000 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng);

Thời hạn cầm cố: 12 tháng,

Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh

Ngày giải ngân: 10/6/2021

Lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận đã ký như sau:

Lãi suất cầm cố: 1.1%/tháng

Phí quản lý hồ sơ: 4.5% /tháng

Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Phí phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ trên dư nợ thực tế chưa đến hạn

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 10/6/2021 bà Hồ Ngọc T đã có đơn gửi Công ty TNHH S VN - Chi nhánh Cao Lãnh 1 xin mượn lại chiếc xe trên để phục vụ đi lại. Thời gian mượn xe: 01 (một) tháng từ 10/6/2021 đến 10/7/2021.

Công ty đã đồng ý cho khách hàng mượn tài sản và khách hàng cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết trên hợp đồng và giấy mượn xe, giấy tờ khác liên quan. Bà T có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: *"Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận"* theo yêu cầu từ Công ty. Khi ký kết hợp đồng cầm cố tài sản, thì hai bên tiến hành lập hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Trong nội dung của phụ lục hợp đồng, bên cầm cố tài sản đồng ý cho Chi nhánh Cao Lãnh 1 - Công ty TNHH S VN có quyền được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố và không hoàn trả hoa lợi, lợi tức đó cho khách hàng khi hợp đồng chấm dứt. Thỏa thuận này thực hiện đúng quyền của bên nhận cầm cố quy định tại Điều 314 Bộ luật dân sự 2015. Khoản 3 Điều 314 bộ luật dân sự 2015 quy định: Bên nhận cầm cố *"Được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố, nếu có thỏa thuận"*. Nên việc cầm cố tài sản và cho mượn lại tài sản Công ty làm đúng theo quy định pháp luật.

Để đảm bảo cho khoản cầm cố tài sản số CLM210601008NA20X ký ngày 10/06/2021, khách hàng đã thế chấp tài sản đảm bảo là chiếc xe theo thông tin trên. Tài sản trên đã được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của Cục đăng ký quốc gia số đăng ký giao dịch số: 1418856262.web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>

Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố Công ty TNHH S VN đã giải ngân cho khách hàng số tiền là: 36.600.000 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) theo đề nghị cầm cố và hợp đồng cầm cố số CLM210601008NA20X ký ngày 10/6/2021, bà T chỉ thanh toán cho Công ty theo hợp đồng số tiền là 10.212.000 đồng, trong đó Tiền gốc 3.902.040, đồng, Lãi 1.545.681 đồng; Phí 4.764.279 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết.

Bà T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết khi mượn xe và đã hết thời gian mượn xe không bàn giao lại tài sản cho Công ty.

Nay Công ty TNHH S VN, đã đổi tên là Công ty Cổ phần S yêu cầu:

Buộc bà Hồ Ngọc T phải thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền tạm tính đến ngày 22/4/2024, tổng số tiền thanh toán là: 96.939.435 đồng. Trong đó: Tiền gốc: 32.697.960 đồng, Tiền lãi trong hạn 11.114.037 đồng, Tiền lãi quá hạn: 6.101.719 đồng. Phí thẩm định tài sản: 47.025.474 đồng. Ngoài ra bà Hồ Ngọc T còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe, kể từ ngày 23/4/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tuy nhiên, vào ngày 22/4/2024, bà Trần Thanh L, đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH S có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền phí thẩm định tài sản 4,5%/tháng, số tiền là 47.025.474 đồng.

* Đối với bị đơn bà Hồ Ngọc T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T, nhưng bà T vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà T trả số tiền còn thiếu và xác định đã cho bà T mượn lại xe cầm cố, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay có cầm cố tài sản, mượn tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 463, Điều 309, Điều 314, Điều 494 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, nhưng bị đơn bà Hồ Ngọc T không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về tư cách đương sự: Khi làm đơn khởi kiện nguyên đơn là Công ty TNHH S VN. Trụ sở chính: phường B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đại diện theo pháp luật là ông P J - Chức vụ: Giám đốc. Trong quá trình thụ lý giải quyết, ngày 11/10/2023, Công ty TNHH S VN có nộp thêm tài liệu là Quyết định của chủ sở hữu Công ty TNHH S VN số 103/QĐ.HĐQT ngày 26/9/2023) đổi tên

thành Công ty Cổ phần S. Đại diện theo pháp luật: Ông K - Chức vụ: Giám đốc. Do đó, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn là Công ty Cổ phần S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng cầm cố: CLM210601008NA20X ký ngày 10/6/2021, bà T cầm cố xe 01 xe máy biển số: nhãn hiệu: PIAGGIO, Loại: VESPA SPRINT, Biển số xe: 66P2-293.19, Số khung: RP8M82221LV048232 Số máy: M828M5102398. Giấy chứng nhận đăng ký số: 003683 do Công an tỉnh Đồng Tháp, cấp ngày 16/3/2021 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho khoản tiền vay là 36.600.000 đồng của Công ty TNHH S VN, nay là Công ty Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty), Hợp đồng cầm cố tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp, phù hợp với quy định với Điều 309, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T không thực hiện trả tiền gốc, lãi đầy đủ cho Công ty là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 311, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả số tiền vốn còn thiếu là 32.697.960 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi, mức lãi suất trong hạn 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Cụ thể tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tiền lãi trong hạn: 11.114.037 đồng; tiền lãi quá hạn: 6.101.719 đồng. Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2029 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Yêu cầu này của Công ty là phù hợp, nên bà T phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi trên cho Công ty.

[2.3] Đối với bà T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng Bà không có văn bản ý kiến, không đến Tòa để trình bày nên không xác định được số tiền bà T đã trả gốc và lãi bao nhiêu cho Công ty. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà T trả tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/4/2024 theo yêu cầu của Công ty là: tiền gốc: 32.697.960 đồng + tiền lãi trong hạn: 11.114.037 đồng + tiền lãi quá hạn: 6.101.719 đồng = 49.913.716 đồng.

[2.4] Đối với yêu cầu của Công ty xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí thẩm định tài sản 4,5%/tháng là 47.025.474 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của Công ty là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu tiền phí thẩm định tài sản của Công ty.

[2.5] Xét việc Công ty cầm cố chiếc xe của bà T để đảm bảo khoản tiền vay. Tuy nhiên, ngày 10/6/2021, giữa hai bên đã ký “Giấy mượn xe”, theo đó Công ty cho bà T mượn lại chiếc xe trong thời hạn 01 tháng, việc Công ty cho mượn lại xe phù hợp quy định tại Điều 314 Bộ luật dân sự 2015, nhưng bà T không trả lại xe theo cam kết. Do đó, trường hợp bà T không trả được số tiền nêu trên thì Công ty có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm

quyền phát mãi tài sản để thu hồi toàn bộ nợ vay là xe máy Biển số xe: 66P2-293.19 nhãn hiệu: PIAGGIO, Loại: VESPA SPRINT, Số khung: RP8M82221LV048232 Số máy: M828M5102398. Giấy chứng nhận đăng ký số: 003683 do Công an tỉnh Đồng Tháp, cấp ngày 16/3/2021 do bà Hồ Ngọc T đứng tên để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty.

[3] **Án phí:** Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bà T phải trả cho Công ty số tiền 49.913.716 đồng nên phải chịu án phí là $49.913.716 \text{ đồng} \times 5\% = 2.496.000 \text{ đồng}$.

Công ty không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 309, 311, 314, 463, 466, 468, 494 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Điều 4, điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "*hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*"; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S về việc yêu cầu bà Hồ Ngọc T trả tiền vốn gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S về việc yêu cầu bà T trả tiền phí thẩm định tài sản 4,5%/tháng, số tiền là 47.025.719 đồng.

3/ Buộc bà Hồ Ngọc T trả cho Công ty Cổ phần S số tiền tổng cộng 49.913.716 đồng (trong đó, tiền gốc: 32.697.960 đồng + tiền lãi trong hạn: 11.114.037 đồng + tiền lãi quá hạn: 6.101.719 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố số CLM210601008NA20X ký ngày 10/06/2021.

4/ Trường hợp bà T không trả được số tiền nêu trên thì Công ty Cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản để thu hồi toàn bộ nợ vay là xe máy Biển số: 66P2-293.19 nhãn hiệu: PIAGGIO, Loại: VESPA SPRINT, Số khung: RP8M82221LV048232; Số máy: M828M5102398. Giấy chứng nhận đăng ký số: 003683 do Công an tỉnh Đồng Tháp, cấp ngày 16/3/2021 do bà Hồ Ngọc T đứng tên để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty.

5/ Về án phí: Bà Hồ Ngọc T phải chịu 2.496.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.160.000 đồng theo biên lai thu số 0000344 ngày 02/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng